

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
							Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
										Giờ thi	Địa điểm
1	000001	0019410521	Nguyễn Hồ Kim Ái	Nữ	11/02/2001	Đồng Tháp	P.501-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 404-C1	
2	000002	0018412078	Nguyễn Thị Thúy Ái	Nữ	14/9/1998	Vĩnh Long	P.501-C1		12h30'		
3	000003	0018412079	Sử Thị Diệu Ái	Nữ	27/12/2000	Kiên Giang	P.501-C1		12h40'		
4	000004	0018410323	Đình Thành An	Nam	11/02/2000	Đồng Tháp	P.501-C1		12h40'		
5	000005	0018410410	Nguyễn Thanh An	Nam	06/10/2000	Đồng Tháp	P.501-C1		12h50'		
6	000006	0019410006	Phan Thị Thúy An	Nữ	11/11/2001	Đồng Tháp	P.501-C1		12h50'		
7	000007	0019410748	Hồ Thị Mai Anh	Nữ	24/02/2001	Đồng Tháp	P.501-C1		13h00'		
8	000008	0019410519	Lê Ngọc Vân Anh	Nữ	09/02/2001	Đồng Tháp	P.501-C1		13h00'		
9	000009	0019310094	Lê Thị Mỹ Anh	Nữ	26/9/2001	Đồng Tháp	P.501-C1		13h10'		
10	000010	0018410812	Nguyễn Bùi Tuyết Anh	Nữ	24/4/2000	Đồng Tháp	P.501-C1		13h10'		
11	000011	0018410685	Nguyễn Hoài Anh	Nam	21/11/2000	Đồng Tháp	P.501-C1		13h20'		
12	000012	0019410183	Nguyễn Lê Minh Anh	Nữ	22/02/2001	An Giang	P.501-C1		13h20'		
13	000013	0020410398	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	Nữ	10/12/2002	Đồng Tháp	P.501-C1		13h30'		
14	000014	0019410181	Nguyễn Thị Minh Anh	Nữ	21/7/2001	Vĩnh Long	P.501-C1		13h30'		
15	000015	0019410744	Phạm Thị Quế Anh	Nữ	21/10/2001	Đồng Tháp	P.501-C1		13h40'		
16	000016	0018310002	Đình Thị Thùy Ân	Nữ	21/12/2000	An Giang	P.501-C1		13h40'		
17	000017	0019410629	Lê Trần Ân	Nam	13/5/2001	Đồng Tháp	P.501-C1		13h50'		
18	000018	0017410453	Nguyễn Hiếu Ân	Nam	26/12/1999	Bến Tre	P.501-C1		13h50'		
19	000019	0017411174	Lê Hoài Bảo	Nam	19/7/1999	Đồng Tháp	P.501-C1		14h00'		
20	000020	0018412086	Lê Thị Như Bình	Nữ	16/9/2000	Đồng Tháp	P.501-C1		14h00'		
21	000021	0019410825	Nguyễn Thanh Bình	Nam	27/3/2001	Đồng Tháp	P.501-C1		14h10'		
22	000022	0019410398	Nguyễn Văn Bình	Nam	12/02/1996	Đồng Tháp	P.501-C1		14h10'		
23	000023	0017410307	Trịnh Văn Bình	Nam	13/9/1999	Bến Tre	P.501-C1		14h20'		
24	000024	0018410534	Nguyễn Thị Bùi	Nữ	22/01/2000	Đồng Tháp	P.501-C1		14h20'		

Tổng số thí sinh: 24

Khoá 62, ngày 26/3/2022



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000025	0018410629	Nguyễn Hoàng	Bửu	Nam	01/7/2000	Đồng Tháp	P.502-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 404-C1	
2	000026	0018410447	Trương Quốc	Bửu	Nam	14/3/2000	An Giang	P.502-C1		12h30'		
3	000027	0016410464	Nguyễn Thanh	Cao	Nam	09/6/1998	Đồng Tháp	P.502-C1		12h40'		
4	000028	0018410792	Nguyễn Thị Ngọc	Cúc	Nữ	19/02/2000	Đồng Tháp	P.502-C1		12h40'		
5	000029	0018410807	Nguyễn Chí	Cường	Nam	01/01/1996	Đồng Tháp	P.502-C1		12h50'		
6	000030	0017411999	Nguyễn Hồng Thế	Cường	Nam	11/02/1999	Đồng Tháp	P.502-C1		12h50'		
7	000031	0017411115	Nguyễn Minh	Cường	Nam	27/02/1999	Đồng Tháp	P.502-C1		13h00'		
8	000032	0019310076	Bùi Thị Bích	Châm	Nữ	10/10/2001	Đồng Tháp	P.502-C1		13h00'		
9	000033	0017411003	Nguyễn Minh	Châu	Nam	05/10/1999	Đồng Tháp	P.502-C1		13h10'		
10	000034	0016410447	Nguyễn Thị Băng	Châu	Nữ	24/01/1997	Bến Tre	P.502-C1		13h10'		
11	000035	0018412316	Phạm Minh	Châu	Nam	12/01/2000	Bến Tre	P.502-C1		13h20'		
12	000036	0018412093	Phương Thị Á	Châu	Nữ	03/10/2000	Đồng Tháp	P.502-C1		13h20'		
13	000037	0018412243	Kim Thị Kim	Chi	Nữ	22/10/1999	Trà Vinh	P.502-C1		13h30'		
14	000038	0018312026	Thạch Thị Diệu	Chi	Nữ	07/6/2000	An Giang	P.502-C1		13h30'		
15	000039	0019410495	Nguyễn Công	Danh	Nam	15/8/2001	Đồng Tháp	P.502-C1		13h40'		
16	000040	0020410875	Trần Tuấn	Danh	Nam	15/12/2002	Đồng Tháp	P.502-C1		13h40'		
17	000041	0019310075	Đặng Thị Kiều	Diễm	Nữ	28/9/2001	Tiền Giang	P.502-C1		13h50'		
18	000042	0019410689	Nguyễn Thúy	Diễm	Nữ	16/01/2001	Cà Mau	P.502-C1		13h50'		
19	000043	0018412095	Phạm Thị Kiều	Diễm	Nữ	02/5/2000	Đồng Tháp	P.502-C1		14h00'		
20	000044	0018410541	Trương Thị Ngọc	Diễm	Nữ	21/8/2000	Đồng Tháp	P.502-C1		14h00'		
21	000045	0018410738	Nguyễn Thị	Diệu	Nữ	19/12/2000	Đồng Tháp	P.502-C1		14h10'		
22	000046	0017410046	Trương Thị Ngọc	Diệu	Nữ	25/01/1999	Vĩnh Long	P.502-C1		14h10'		
23	000047	0018410507	Hồ Thị Thùy	Dung	Nữ	24/9/2000	Đồng Tháp	P.502-C1		14h20'		
24	000048	0019410688	Phạm Thị Mỹ	Dung	Nữ	07/7/2001	Vĩnh Long	P.502-C1		14h20'		

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
							Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
										Giờ thi	Địa điểm
1	000049	0017410248	Trần Thị Thùy Dung	Nữ	25/4/1999	Trà Vinh	P.503-C1			12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 304-C1
2	000050	0018410210	Đỗ Hữu Duy	Nam	12/11/2000	An Giang	P.503-C1			12h30'	
3	000051	0019410327	Đỗ Phạm Trường Duy	Nam	09/8/2001	Đồng Tháp	P.503-C1			12h40'	
4	000052	0018410543	Lê Anh Duy	Nam	24/6/2000	Đồng Tháp	P.503-C1			12h40'	
5	000053	0017410538	Lê Khánh Duy	Nam	29/6/1999	Đồng Tháp	P.503-C1			12h50'	
6	000054	0018310010	Ngô Thúy Duy	Nữ	02/01/2000	Đồng Tháp	P.503-C1			12h50'	
7	000055	0018410192	Nguyễn Bảo Duy	Nam	06/5/2000	Kiên Giang	P.503-C1			13h00'	
8	000056	0019410742	Nguyễn Thị Thúy Duy	Nữ	02/4/2001	Đồng Tháp	P.503-C1			13h00'	
9	000057	0016410451	Nguyễn Thúy Duy	Nữ	21/01/1998	Đồng Tháp	P.503-C1			13h10'	
10	000058	0018410634	Phạm Nguyễn Thanh Duy	Nam	09/01/2000	Đồng Tháp	P.503-C1			13h10'	
11	000059	0019410145	Hồ Ánh Duyên	Nữ	30/7/2001	Đồng Tháp	P.503-C1			13h20'	
12	000060	0017410064	Nguyễn Lê Kiều Duyên	Nữ	22/9/1999	Đồng Tháp	P.503-C1			13h20'	
13	000061	0019410254	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	08/3/2001	Đồng Tháp	P.503-C1			13h30'	
14	000062	0017410268	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	19/12/1999	Vĩnh Long	P.503-C1			13h30'	
15	000063	0019410233	Bùi Thị Thùy Dương	Nữ	20/5/2001	Đồng Tháp	P.503-C1			13h40'	
16	000064	0018410702	Dương Thùy Dương	Nữ	21/02/2000	Đồng Tháp	P.503-C1			13h40'	
17	000065	0019410590	Lê Thị Thùy Dương	Nữ	21/12/2001	Long An	P.503-C1			13h50'	
18	000066	0014412275	Đỗ Thị Trang Đài	Nữ	17/01/1996	Vĩnh Long	P.503-C1			13h50'	
19	000067	0018412733	Dương Ngọc Linh Đang	Nữ	10/8/2000	Đồng Tháp	P.503-C1			14h00'	
20	000068	0019410410	Nguyễn Lê Đông Đào	Nữ	07/10/2001	Đồng Tháp	P.503-C1			14h00'	
21	000069	0018410539	Tổng Thị Hồng Đào	Nữ	30/5/2000	Đồng Tháp	P.503-C1			14h10'	
22	000070	0015411209	Đặng Thành Khoa Đạt	Nam	15/11/1997	Trà Vinh	P.503-C1			14h10'	
23	000071	0019410356	Hồ Thành Đạt	Nam	20/3/2000	Tiền Giang	P.503-C1			14h20'	
24	000072	0015412258	Lê Tấn Đạt	Nam	23/03/1990	Đồng Tháp	P.503-C1			14h20'	

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
							Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
										Giờ thi	Địa điểm
1	000073	0020410615	Nguyễn Huỳnh Phát Đạt	Nam	21/10/2001	Đồng Tháp	P.504-C1			12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 304-C1
2	000074	0018410699	Nguyễn Quốc Đạt	Nam	01/4/2000	Đồng Tháp	P.504-C1			12h30'	
3	000075	0017411151	Phan Tấn Đạt	Nam	02/3/1999	Đồng Tháp	P.504-C1			12h40'	
4	000076	0017410965	Bùi Hải Đăng	Nam	27/9/1998	Đồng Tháp	P.504-C1			12h40'	
5	000077	0019410795	Nguyễn Minh Đăng	Nam	7/02/2001	Đồng Tháp	P.504-C1			12h50'	
6	000078	0019410727	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Nữ	14/5/2001	An Giang	P.504-C1			12h50'	
7	000079	0019410330	Nguyễn Lâm Định	Nam	07/02/2001	Đồng Tháp	P.504-C1			13h00'	
8	000080	0020410453	Võ Minh Đông	Nam	14/10/2002	Đồng Tháp	P.504-C1			13h00'	
9	000081	0019410432	Huỳnh Minh Đức	Nam	10/01/2001	Đồng Tháp	P.504-C1			13h10'	
10	000082	0018310013	Trần Thị Hồng Em	Nữ	28/3/1998	Vĩnh Long	P.504-C1			13h10'	
11	000083	0018412101	Trần Thị Hồng Gấm	Nữ	24/01/2000	Đồng Tháp	P.504-C1			13h20'	
12	000084	0018412100	Trần Thị Hồng Gấm	Nữ	08/4/2000	Đồng Tháp	P.504-C1			13h20'	
13	000085	0019410763	Châu Hồ Trúc	Nữ	09/02/2001	Đồng Tháp	P.504-C1			13h30'	
14	000086	0019310022	Huỳnh Thị Cẩm	Nữ	05/10/1999	Đồng Tháp	P.504-C1			13h30'	
15	000087	0016410414	Nguyễn Trường	Nam	10/7/1998	Vĩnh Long	P.504-C1			13h40'	
16	000088	0019410334	Trần Đỗ Cẩm	Nữ	29/10/2001	Sóc Trăng	P.504-C1			13h40'	
17	000089	0018410546	Dương Huỳnh	Nữ	30/6/2000	Đồng Tháp	P.504-C1			13h50'	
18	000090	0018412102	Lê Ngọc Quỳnh	Nữ	20/10/2000	Đồng Tháp	P.504-C1			13h50'	
19	000091	0019410675	Võ Thị Huỳnh	Nữ	06/6/2001	Long An	P.504-C1			14h00'	
20	000092	0019410264	Lê Thanh	Nam	19/5/2001	Đồng Tháp	P.504-C1			14h00'	
21	000093	0018410547	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	11/01/2000	Đồng Tháp	P.504-C1			14h10'	
22	000094	0019310054	Bùi Thị Thu	Nữ	26/11/2001	Đắk Lắk	P.504-C1			14h10'	
23	000095	0019410480	Đặng Thị Ngọc	Nữ	12/7/2001	Đồng Tháp	P.504-C1			14h20'	
24	000096	0017410105	Khuu Thị Thúy	Nữ	17/12/1999	Long An	P.504-C1			14h20'	

Tổng số thí sinh: 24



Khoá 62, ngày 26/3/2022

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
							Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
										Giờ thi	Địa điểm
1	000097	0019310010	Phan Thị Cẩm Hà	Nữ	07/12/2001	Đồng Tháp	P.505-C1			12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 308-C1
2	000098	0016410038	Hồng Hoàng Hải	Nam	18/01/1998	An Giang	P.505-C1			12h30'	
3	000099	0017410399	Trần Hữu Hải	Nam	21/7/1998	Vĩnh Long	P.505-C1			12h40'	
4	000100	0017410312	Huỳnh Hoa Hiếu Hạnh	Nữ	27/02/1999	Đồng Tháp	P.505-C1			12h40'	
5	000101	0019410604	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Nữ	01/5/2001	Đồng Tháp	P.505-C1			12h50'	
6	000102	0018410512	Nguyễn Đỗ Phú Hào	Nam	30/5/1999	Đồng Tháp	P.505-C1			12h50'	
7	000103	0019410544	Nguyễn Nhật Hào	Nam	20/9/2001	Đồng Tháp	P.505-C1			13h00'	
8	000104	0018412953	Nguyễn Thế Hào	Nam	01/02/2000	Đồng Tháp	P.505-C1			13h00'	
9	000105	0018410706	Phạm Nhựt Hào	Nam	01/01/2000	Đồng Tháp	P.505-C1			13h10'	
10	000106	0016410573	Bùi Thị Tố Hào	Nữ	01/8/1998	Đồng Tháp	P.505-C1			13h10'	
11	000107	0018412106	Châu Mỹ Hằng	Nữ	05/01/2000	Đồng Tháp	P.505-C1			13h20'	
12	000108	0019410178	Dương Ngọc Kim Hằng	Nữ	31/10/2001	Tiền Giang	P.505-C1			13h20'	
13	000109	0018413113	Lê Thị Cẩm Hằng	Nữ	17/9/2000	Đồng Tháp	P.505-C1			13h30'	
14	000110	0020410221	Lê Ngọc Hân	Nữ	20/8/2002	Vĩnh Long	P.505-C1			13h30'	
15	000111	0019410180	Nguyễn Phương Hồng Hân	Nữ	04/3/2001	An Giang	P.505-C1			13h40'	
16	000112	0019410172	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	20/5/2001	Vĩnh Long	P.505-C1			13h40'	
17	000113	0019310005	Tô Ngọc Hân	Nữ	26/7/2001	Đồng Tháp	P.505-C1			13h50'	
18	000114	0019410311	Đặng Văn Hậu	Nam	10/02/1996	Đồng Tháp	P.505-C1			13h50'	
19	000115	0019310021	Nguyễn Thanh Hậu	Nam	29/4/2001	Bến Tre	P.505-C1			14h00'	
20	000116	0018412342	Võ Văn Hiên	Nam	06/7/1995	Kiên Giang	P.505-C1			14h00'	
21	000117	0019410198	Lê Thị Thu Hiền	Nữ	26/8/2001	Bến Tre	P.505-C1			14h10'	
22	000118	0019410408	Nguyễn Đoàn Thúy Hiền	Nữ	05/4/2001	Đồng Tháp	P.505-C1			14h10'	
23	000119	0016410345	Nguyễn Lê Xuân Hiền	Nam	19/7/1998	Đồng Tháp	P.505-C1			14h20'	
24	000120	0018410197	Lê Chí Hiếu	Nam	12/02/2000	Bạc Liêu	P.505-C1			14h20'	

Tổng số thí sinh: 24



PHÒNG THI SỐ: 06

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
							Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
										Giờ thi	Địa điểm
1	000121	0016410931	Trần Minh Hiếu	Nam	15/11/1998	Bến Tre	P.506-C1			12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 308-C1
2	000122	0014412412	Võ Thị Xuân Hiếu	Nữ	21/6/1995	Đồng Tháp	P.506-C1			12h30'	
3	000123	0018414028	Nguyễn Ngọc Hoa	Nữ	13/01/2000	An Giang	P.506-C1			12h40'	
4	000124	0018412690	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nữ	10/3/2000	An Giang	P.506-C1			12h40'	
5	000125	0017410027	Võ Thị Kim Hoa	Nữ	15/8/1998	An Giang	P.506-C1			12h50'	
6	000126	0014412694	Huỳnh Văn Hoài	Nam	16/12/1996	Kiên Giang	P.506-C1			12h50'	
7	000127	0017410032	Võ Thị Cẩm Hồng	Nữ	19/9/1997	Đồng Tháp	P.506-C1			13h00'	
8	000128	0019410438	Đinh Quốc Huy	Nam	12/8/2001	Đồng Tháp	P.506-C1			13h00'	
9	000129	0018410639	Lê Hồ Hoàng Huy	Nam	26/11/2000	Đồng Tháp	P.506-C1			13h10'	
10	000130	0018412422	Lê Thanh Huy	Nam	14/9/2000	Đồng Tháp	P.506-C1			13h10'	
11	000131	0019410222	Nguyễn Hoàng Huy	Nam	09/3/2001	Đồng Tháp	P.506-C1			13h20'	
12	000132	0018410213	Trương Minh Huy	Nam	25/5/2000	An Giang	P.506-C1			13h20'	
13	000133	0019410394	Võ Quang Huy	Nam	21/01/1997	Bến Tre	P.506-C1			13h30'	
14	000134	0019310001	Dương Nguyễn Trúc Huyền	Nữ	04/6/2001	Đồng Tháp	P.506-C1			13h30'	
15	000135	0019410732	Dương Thị Mỹ Huyền	Nữ	05/10/2001	An Giang	P.506-C1			13h40'	
16	000136	0019410074	Huỳnh Thị Ngọc Huyền	Nữ	23/02/2001	Trà Vinh	P.506-C1			13h40'	
17	000137	0019310053	Lê Thị Huyền	Nữ	19/02/2001	Vĩnh Long	P.506-C1			13h50'	
18	000138	0019310018	Nguyễn Thị Bích Huyền	Nữ	06/4/2001	An Giang	P.506-C1			13h50'	
19	000139	0019410470	Nguyễn Thị Kim Huyền	Nữ	01/11/2000	Đồng Tháp	P.506-C1			14h00'	
20	000140	0019410099	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	Nữ	11/9/2001	Đồng Tháp	P.506-C1			14h00'	
21	000141	0019310035	Phạm Thị Thanh Huyền	Nữ	10/10/1999	Bến Tre	P.506-C1			14h10'	
22	000142	0020410714	Nguyễn Thị Thúy Huỳnh	Nữ	05/10/2002	Đồng Tháp	P.506-C1			14h10'	
23	000143	0019310080	Nguyễn Thị Yến Huỳnh	Nữ	22/4/2001	Bến Tre	P.506-C1			14h20'	
24	000144	0018412114	Đặng Thị Cẩm Hương	Nữ	29/8/2000	Đồng Tháp	P.506-C1			14h20'	

Tổng số thí sinh: 24

Khoá 62, ngày 26/3/2022



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000145	0017410716	Lê Thị Diễm	Hương	Nữ	24/11/1999	Đồng Tháp	P.507-C1			12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 204-C1
2	000146	0019410482	Nguyễn Thị Diễm	Hương	Nữ	12/4/2001	Đồng Tháp	P.507-C1			12h30'	
3	000147	0017310061	Nguyễn Thị Diễm	Hương	Nữ	11/7/1999	Đồng Tháp	P.507-C1			12h40'	
4	000148	0018412115	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	Nữ	20/7/2000	Vĩnh Long	P.507-C1			12h40'	
5	000149	0018412862	Bạch Tuấn	Kiệt	Nam	12/7/2000	Đồng Tháp	P.507-C1			12h50'	
6	000150	0018410406	Đỗ Văn	Kiệt	Nam	01/01/2000	Sóc Trăng	P.507-C1			12h50'	
7	000151	0019410323	Hoàng Anh	Kiệt	Nam	11/7/2001	Long An	P.507-C1			13h00'	
8	000152	0018412393	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	02/02/2000	Đồng Tháp	P.507-C1			13h00'	
9	000153	0018410558	Nguyễn Văn	Kiệt	Nam	15/5/2000	Đồng Tháp	P.507-C1			13h10'	
10	000154	0018410715	Phạm Tuấn	Kiệt	Nam	07/4/2000	Đồng Tháp	P.507-C1			13h10'	
11	000155	0019410159	Nguyễn Thị Thiên	Kiều	Nữ	21/8/2001	Đồng Tháp	P.507-C1			13h20'	
12	000156	0018410559	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	Nữ	05/10/2000	Đồng Tháp	P.507-C1			13h20'	
13	000157	0015411146	Huỳnh Thị Ngọc	Kim	Nữ	24/4/1997	Đồng Tháp	P.507-C1			13h30'	
14	000158	0017410429	Nguyễn Thị Ánh	Kim	Nữ	27/8/1999	Đồng Tháp	P.507-C1			13h30'	
15	000159	0018410741	Đình Vĩnh	Kỳ	Nam	03/6/2000	Đồng Tháp	P.507-C1			13h40'	
16	000160	0019310038	Trương Hiếu	Kỳ	Nam	17/02/2001	Đồng Tháp	P.507-C1			13h40'	
17	000161	0019410649	Phạm Minh	Kha	Nam	5/12/2001	Đồng Tháp	P.507-C1			13h50'	
18	000162	0018410739	Phạm Văn	Kha	Nam	18/3/1999	Đồng Tháp	P.507-C1			13h50'	
19	000163	0018410460	Trịnh Vũ	Kha	Nam	01/02/2000	Kiên Giang	P.507-C1			14h00'	
20	000164	0019410244	Võ An	Kha	Nam	20/9/2001	Bến Tre	P.507-C1			14h00'	
21	000165	0018410214	Huỳnh Trịnh Đình	Khang	Nam	20/7/1994	An Giang	P.507-C1			14h10'	
22	000166	0018413041	Lê Duy	Khang	Nam	01/7/2000	Bến Tre	P.507-C1			14h10'	
23	000167	0019310009	Phan Ngọc Vân	Khanh	Nữ	07/12/2001	Đồng Tháp	P.507-C1			14h20'	
24	000168	0019410348	Nguyễn	Khánh	Nam	15/10/2001	Đồng Tháp	P.507-C1			14h20'	
25	000169	0017411083	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	02/02/1999	Đồng Tháp	P.507-C1			14h30'	
26	000170	0017410363	Dương Đăng	Khoa	Nam	08/4/1999	An Giang	P.507-C1			14h30'	

Tổng số thí sinh: 26

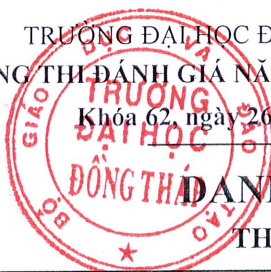


DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000171	0018410642	Nguyễn Duy	Khoa	Nam	28/12/2000	Tiền Giang	P.508-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 204-C1	
2	000172	0018412118	Nguyễn Thị Yến	Khoa	Nữ	02/5/2000	Vĩnh Long	P.508-C1		12h30'		
3	000173	0018412757	Lê	Khôi	Nam	18/9/2000	Đồng Tháp	P.508-C1		12h40'		
4	000174	0018312062	Trần Nguyễn Bảo	Khương	Nam	10/02/2000	Đồng Tháp	P.508-C1		12h40'		
5	000175	0019410570	Nguyễn Thị Ngọc	Lal	Nữ	03/3/2000	Bến Tre	P.508-C1		12h50'		
6	000176	0017410746	Nguyễn Hoài	Lam	Nam	24/9/1999	Cà Mau	P.508-C1		12h50'		
7	000177	0019410710	Nguyễn Thanh Hoài	Lam	Nữ	05/12/2001	Đồng Tháp	P.508-C1		13h00'		
8	000178	0017310134	Nguyễn Thị Mai	Lan	Nữ	23/01/1999	Long An	P.508-C1		13h00'		
9	000179	0018412962	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	03/9/2000	Đồng Tháp	P.508-C1		13h10'		
10	000180	0016410509	Nguyễn Thanh	Lâm	Nam	28/8/1995	Bến Tre	P.508-C1		13h10'		
11	000181	0018412345	Trần Thế	Lâm	Nam	18/12/2000	Long An	P.508-C1		13h20'		
12	000182	0019410041	Nguyễn Thị Hồng	Liên	Nữ	04/4/2001	Đồng Tháp	P.508-C1		13h20'		
13	000183	0018410353	Huỳnh Vũ	Linh	Nam	15/5/2000	An Giang	P.508-C1		13h30'		
14	000184	0019410193	Nguyễn Hà Mỹ	Linh	Nữ	21/4/2001	Đồng Tháp	P.508-C1		13h30'		
15	000185	0018412762	Nguyễn Hoàng	Linh	Nam	05/3/2000	An Giang	P.508-C1		13h40'		
16	000186	0019310013	Nguyễn Thị Trúc	Linh	Nữ	30/01/2001	Đồng Tháp	P.508-C1		13h40'		
17	000187	0019410195	Nguyễn Văn	Linh	Nam	13/4/2001	Đồng Tháp	P.508-C1		13h50'		
18	000188	0018410416	Phạm Thị Trúc	Linh	Nữ	02/9/2000	Đồng Tháp	P.508-C1		13h50'		
19	000189	0019410435	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	13/11/2001	Long An	P.508-C1		14h00'		
20	000190	0019410678	Trần Thị Trúc	Linh	Nữ	11/6/2001	Tiền Giang	P.508-C1		14h00'		
21	000191	0018410417	Võ Thị	Linh	Nữ	06/9/1998	Đồng Tháp	P.508-C1		14h10'		
22	000192	0019410384	Mai Hoàng	Long	Nam	30/6/2001	Tiền Giang	P.508-C1		14h10'		
23	000193	0019410623	Trần Hoàng	Long	Nam	09/9/2000	Đồng Tháp	P.508-C1		14h20'		
24	000194	0019410813	Nguyễn Huỳnh Phúc	Lợi	Nam	22/11/2001	Vĩnh Long	P.508-C1		14h20'		
25	000195	0018413070	Bùi Minh	Luân	Nam	28/02/2000	Đồng Tháp	P.508-C1		14h30'		
26	000196	0018412965	Lại Thanh	Luân	Nam	04/11/2000	Đồng Tháp	P.508-C1		14h30'		

Tổng số thí sinh: 26

Khóa 62, ngày 26/3/2022



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				Môn Nói	Địa điểm
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'		Giờ thi	
1	000197	0018312008	Cao Kim	Luận	Nữ	25/01/2000	Bến Tre		P.407-C1			12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 208-C1
2	000198	0018410565	Trần Thị	Luyến	Nữ	02/10/2000	Hậu Giang		P.407-C1			12h30'	
3	000199	0019410838	Lê Công	Lý	Nam	13/3/2001	Đồng Tháp		P.407-C1			12h40'	
4	000200	0019410631	Đinh Thị Tuyết	Mai	Nữ	31/8/2001	Đồng Tháp		P.407-C1			12h40'	
5	000201	0017411041	Lê Thị Ngọc	Mai	Nữ	30/11/1999	Đồng Tháp		P.407-C1			12h50'	
6	000202	0017411191	Trần Thị Phương	Mai	Nữ	25/11/1998	Đồng Tháp		P.407-C1			12h50'	
7	000203	0019410135	Võ Thị Huỳnh	Mai	Nữ	10/12/2001	Đồng Tháp		P.407-C1			13h00'	
8	000204	0018412765	Nguyễn Minh	Mẫn	Nam	06/11/2000	Đồng Tháp		P.407-C1			13h00'	
9	000205	0018410650	Nguyễn Minh	Mẫn	Nam	03/5/2000	Đồng Tháp		P.407-C1			13h10'	
10	000206	0018410518	Trần Thị Ngọc	Mến	Nữ	01/10/2000	Đồng Tháp		P.407-C1			13h10'	
11	000207	0018412347	Nguyễn Văn	Minh	Nam	27/02/2000	Đồng Tháp		P.407-C1			13h20'	
12	000208	0019410369	Trần Chí Hoàng	Minh	Nam	02/5/2001	Cần Thơ		P.407-C1			13h20'	
13	000209	0019410072	Trương Thị Ngọc	Mơ	Nữ	15/3/2001	Bến Tre		P.407-C1			13h30'	
14	000210	0018410470	Nguyễn Thị Kiều	My	Nữ	11/01/2000	Đồng Tháp		P.407-C1			13h30'	
15	000211	0018412769	Nguyễn Thoại	Mỹ	Nữ	06/6/2000	Đồng Tháp		P.407-C1			13h40'	
16	000212	0017410923	Thái Quốc Thế	Mỹ	Nam	22/01/1999	Bến Tre		P.407-C1			13h40'	
17	000213	0019410588	Trần Linh	Mỹ	Nữ	22/7/2001	Đồng Tháp		P.407-C1			13h50'	
18	000214	0019410524	Nguyễn Nhựt	Nam	Nam	13/02/2001	Đồng Tháp		P.407-C1			13h50'	
19	000215	0018412162	Thạch Thị Chanh Đa	Ni	Nữ	07/01/2000	Vĩnh Long		P.407-C1			14h00'	
20	000216	0017410126	Huỳnh Thiện Ngọc	Ngà	Nữ	09/12/1999	An Giang		P.407-C1			14h00'	
21	000217	0019410393	Bùi Thị Kim	Ngân	Nữ	01/9/2001	Đồng Tháp		P.407-C1			14h10'	
22	000218	0019310008	Bùi Thị Thanh	Ngân	Nữ	03/5/2001	Đồng Tháp		P.407-C1			14h10'	
23	000219	0018412968	Huỳnh Thị	Ngân	Nữ	12/9/2000	Đồng Tháp		P.407-C1			14h20'	
24	000220	0018310033	Huỳnh Thị Kim	Ngân	Nữ	01/12/2000	Đồng Tháp		P.407-C1			14h20'	
25	000221	0019410106	Lê Thị Thanh	Ngân	Nữ	12/3/2001	Đồng Tháp		P.407-C1			14h30'	
26	000222	0018410754	Lê Thị Thanh	Ngân	Nữ	21/12/2000	Đồng Tháp		P.407-C1			14h30'	

Tổng số thí sinh: 26

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
								Nghe 7h00'	Viết 8h00'	Đọc	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000223	0019410030	Lê Thúy	Ngân	Nữ	01/11/2001	Vĩnh Long	P.408-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 208-C1	
2	000224	0018312012	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	Nữ	06/10/2000	Đồng Tháp	P.408-C1		12h30'		
3	000225	0017411042	Nguyễn Thị Bích	Ngân	Nữ	14/6/1999	Đồng Tháp	P.408-C1		12h40'		
4	000226	0018412456	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	19/5/1999	Đồng Tháp	P.408-C1		12h40'		
5	000227	0018412774	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	09/9/2000	Đồng Tháp	P.408-C1		12h50'		
6	000228	0019410251	Phạm Thị Bích	Ngân	Nữ	19/10/2001	Đồng Tháp	P.408-C1		12h50'		
7	000229	0018412141	Phạm Thị Thu	Ngân	Nữ	01/12/2000	Đồng Tháp	P.408-C1		13h00'		
8	000230	0019310096	Trần Thị Tuyết	Ngân	Nữ	10/10/2001	Bến Tre	P.408-C1		13h00'		
9	000231	0018410362	Trần Thị Thùy	Ngân	Nữ	22/4/2000	Đồng Tháp	P.408-C1		13h10'		
10	000232	0018412400	Trương Ngọc Diễm	Ngân	Nữ	29/9/2000	Long An	P.408-C1		13h10'		
11	000233	0014413408	Lê Hoàng	Nghĩa	Nam	01/07/1995	Đồng Tháp	P.408-C1		13h20'		
12	000234	0018410654	Nguyễn Quốc	Nghĩa	Nam	02/9/1999	Đồng Tháp	P.408-C1		13h20'		
13	000235	0018412871	Cao Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	08/11/2000	Đồng Tháp	P.408-C1		13h30'		
14	000236	0020411008	Đoàn Kiều Như	Ngọc	Nữ	08/3/2002	Đồng Tháp	P.408-C1		13h30'		
15	000237	0019410187	Đỗ Thị	Ngọc	Nữ	6/10/2001	Đồng Tháp	P.408-C1		13h40'		
16	000238	0018412142	Hà Mỹ	Ngọc	Nữ	16/7/2000	Vĩnh Long	P.408-C1		13h40'		
17	000239	0017411152	Lê Thị Cẩm	Ngọc	Nữ	1999	Đồng Tháp	P.408-C1		13h50'		
18	000240	0018412144	Lê Trần Bảo	Ngọc	Nữ	08/11/2000	Đồng Tháp	P.408-C1		13h50'		
19	000241	0017410365	Nguyễn Đặng Kim	Ngọc	Nữ	26/01/1999	Trà Vinh	P.408-C1		14h00'		
20	000242	0018414015	Nguyễn Phan Như	Ngọc	Nữ	06/8/2000	Đồng Tháp	P.408-C1		14h00'		
21	000243	0018410656	Nguyễn Thái	Ngọc	Nam	04/8/2000	Đồng Tháp	P.408-C1		14h10'		
22	000244	0018410473	Nguyễn Thị Như	Ngọc	Nữ	28/5/2000	An Giang	P.408-C1		14h10'		
23	000245	0017410231	Phạm Thị Bích	Ngọc	Nữ	23/12/1998	Đồng Tháp	P.408-C1		14h20'		
24	000246	0018412145	Trịnh Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	18/5/1999	Đồng Tháp	P.408-C1		14h20'		
25	000247	0015410462	Võ Thị Bích	Ngọc	Nữ	06/6/1997	Đồng Tháp	P.408-C1		14h30'		
26	000248	0018412633	Lê Trí	Nguyên	Nam	06/6/2000	Đồng Tháp	P.408-C1		14h30'		

Tổng số thí sinh: 26

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
							Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
							Giờ thi	Địa điểm			
1	000249	0018410521	Nguyễn Tú Nguyên	Nữ	03/5/2000	Đồng Tháp	07h00'	Phòng chờ: 404-C1	P.501-C1		
2	000250	0019410397	Nguyễn Thanh Thái Nguyên	Nam	12/01/1998	Đồng Tháp	07h00'		P.501-C1		
3	000251	0019410743	Nguyễn Thị Nguyên	Nữ	28/11/2001	Đồng Tháp	07h10'		P.501-C1		
4	000252	0017411037	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	06/5/1999	Đồng Tháp	07h10'		P.501-C1		
5	000253	0018412275	Trương Thành Nguyên	Nam	05/02/2000	Kiên Giang	07h20'		P.501-C1		
6	000254	0019410860	Nguyễn Ngọc Nguyệt	Nữ	01/5/2001	Đồng Tháp	07h20'		P.501-C1		
7	000255	0018310038	Mai Thị Thanh Nhân	Nữ	06/10/2000	Bến Tre	07h30'		P.501-C1		
8	000256	0019310083	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Nữ	15/4/2001	Bến Tre	07h30'		P.501-C1		
9	000257	0019410095	Thái Thanh Nhân	Nam	09/11/2001	Đồng Tháp	07h40'		P.501-C1		
10	000258	0018412146	Thái Hồng Nhân	Nữ	27/02/2000	Đồng Tháp	07h40'		P.501-C1		
11	000259	0018410322	Trần Trung Nhân	Nam	01/11/1997	Vĩnh Long	07h50'		P.501-C1		
12	000260	0019410466	Lê Nguyễn Quốc Nhật	Nam	25/10/2001	Bến Tre	07h50'		P.501-C1		
13	000261	0018412459	Tổng Phước Nhật	Nam	12/10/2000	An Giang	08h00'		P.501-C1		
14	000262	0019410632	Bùi Phạm Ý Nhi	Nữ	27/8/2001	Đồng Tháp	08h00'		P.501-C1		
15	000263	0018412930	Bùi Thị Thảo Nhi	Nữ	10/8/2000	Đồng Tháp	08h10'		P.501-C1		
16	000264	0018412973	Bùi Thị Yến Nhi	Nữ	29/9/2000	Đồng Tháp	08h10'		P.501-C1		
17	000265	0018410571	Cao Hoàng Thiên Nhi	Nữ	11/02/2000	Đồng Tháp	08h20'		P.501-C1		
18	000266	0019410288	Đỗ Thị Yến Nhi	Nữ	05/6/2001	Đồng Tháp	08h20'		P.501-C1		
19	000267	0019410163	Hồ Thị Nguyễn Nhi	Nữ	09/7/2000	Đồng Tháp	08h30'		P.501-C1		
20	000268	0019310077	Huỳnh Nguyễn Phươn Nhi	Nữ	01/9/2001	Đồng Tháp	08h30'		P.501-C1		
21	000269	0019410246	Huỳnh Thị Yến Nhi	Nữ	17/12/2001	An Giang	08h40'		P.501-C1		
22	000270	0018412975	Lê Ngọc Yến Nhi	Nữ	05/4/2000	Đồng Tháp	08h40'		P.501-C1		
23	000271	0018412637	Lê Nguyễn Phương Nhi	Nữ	26/7/2000	Đồng Tháp	08h50'		P.501-C1		
24	000272	0019410437	Lê Thị Hạnh Nhi	Nữ	17/8/2001	Đồng Tháp	08h50'		P.501-C1		

Tổng số thí sinh: 24



PHÒNG THI SỐ: 12

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
								Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
								Giờ thi	Địa điểm			
1	000273	0019310039	Lê Thị Sa	Nhi	Nữ	21/4/2001	Bến Tre	07h00'	Phòng chờ: 404-C1	P.502-C1		
2	000274	0018412328	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	16/3/2000	An Giang	07h00'		P.502-C1		
3	000275	0018412149	Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	09/6/2000	Cà Mau	07h10'		P.502-C1		
4	000276	0018414007	Trương Ngọc	Nhi	Nữ	29/12/2000	Đồng Tháp	07h10'		P.502-C1		
5	000277	0019410567	Võ Thị Tâm	Nhi	Nữ	28/3/2000	Đồng Tháp	07h20'		P.502-C1		
6	000278	0018310041	Võ Thị Yến	Nhi	Nữ	25/12/2000	Bến Tre	07h20'		P.502-C1		
7	000279	0019410680	Võ Trần Ái	Nhi	Nữ	03/01/2001	Tiền Giang	07h30'		P.502-C1		
8	000280	0017411084	Phan Minh	Nhí	Nam	24/11/1999	Đồng Tháp	07h30'		P.502-C1		
9	000281	0018312064	Mai Hữu	Nhon	Nam	19/10/2000	Đồng Tháp	07h40'		P.502-C1		
10	000282	0019410501	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	10/4/2001	Đồng Tháp	07h40'		P.502-C1		
11	000283	0019410789	Phan Trần Cẩm	Nhung	Nữ	20/9/2001	Đồng Tháp	07h50'		P.502-C1		
12	000284	0018412461	Bùi Thị Quỳnh	Như	Nữ	06/4/2000	Đồng Tháp	07h50'		P.502-C1		
13	000285	0018412155	Dương Thị Thùy	Như	Nữ	21/12/2000	Kiên Giang	08h00'		P.502-C1		
14	000286	0020310009	Đinh Thị Huỳnh	Như	Nữ	13/11/2002	Đồng Tháp	08h00'		P.502-C1		
15	000287	0018412153	Đinh Thị Mỹ	Như	Nữ	07/02/2000	An Giang	08h10'		P.502-C1		
16	000288	0019310081	Hồ Huỳnh	Như	Nữ	31/3/2000	Bến Tre	08h10'		P.502-C1		
17	000289	0018412792	Huỳnh Dương Tâm	Như	Nữ	06/10/2000	Đồng Tháp	08h20'		P.502-C1		
18	000290	0019410568	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	Nữ	10/02/2001	Vĩnh Long	08h20'		P.502-C1		
19	000291	0019410085	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	07/10/2001	Đồng Tháp	08h30'		P.502-C1		
20	000292	0019410039	Nguyễn Thị Quế	Như	Nữ	07/6/2001	Đồng Tháp	08h30'		P.502-C1		
21	000293	0019310056	Phạm Lâm Tâm	Như	Nữ	14/9/2000	Đồng Tháp	08h40'		P.502-C1		
22	000294	0017410214	Trà Thị Huỳnh	Như	Nữ	21/9/1999	Tiền Giang	08h40'		P.502-C1		
23	000295	0019410043	Trần Ái	Như	Nữ	18/7/2001	Vĩnh Long	08h50'		P.502-C1		
24	000296	0019410201	Trần Quỳnh	Như	Nữ	2/12/2001	Vĩnh Long	08h50'		P.502-C1		

Tổng số thí sinh: 24



PHÒNG THI SỐ: 13

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
								Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
								Giờ thi	Địa điểm			
1	000297	0018412797	Hà Minh	Nhựt	Nam	16/4/2000	Đồng Tháp	07h00'	Phòng chờ: 304-C1	P.503-C1		
2	000298	0018410580	Huỳnh Thị Thu	Oanh	Nữ	12/6/2000	Đồng Tháp	07h00'		P.503-C1		
3	000299	0019410745	Lê Thị Kiều	Oanh	Nữ	16/01/2001	Bến Tre	07h10'		P.503-C1		
4	000300	0014413166	Nguyễn Văn	Pháp	Nam	12/02/1994	Đồng Tháp	07h10'		P.503-C1		
5	000301	0020410032	Huỳnh Lập	Phát	Nam	14/6/2002	Đồng Tháp	07h20'		P.503-C1		
6	000302	0019410404	Lâm Tấn	Phát	Nam	06/11/2001	Trà Vinh	07h20'		P.503-C1		
7	000303	0019410063	Nguyễn Văn	Phát	Nam	29/12/2001	Đồng Tháp	07h30'		P.503-C1		
8	000304	0019410226	Trần Nhựt	Phát	Nam	27/10/2001	Đồng Tháp	07h30'		P.503-C1		
9	000305	0019410217	Dương Thị Lê	Phần	Nữ	13/5/2001	Đồng Tháp	07h40'		P.503-C1		
10	000306	0017410615	Nguyễn Văn	Phi	Nam	01/01/1998	Vĩnh Long	07h40'		P.503-C1		
11	000307	0018412349	Trần Thị Yến	Phi	Nữ	06/8/2000	Đồng Tháp	07h50'		P.503-C1		
12	000308	0019410591	Nguyễn Thị Ngọc	Phiên	Nữ	30/7/2001	Đồng Tháp	07h50'		P.503-C1		
13	000309	0018412350	Trần Thanh	Phú	Nam	15/11/2000	Đồng Tháp	08h00'		P.503-C1		
14	000310	0017410642	Huỳnh Thiên	Phúc	Nam	26/3/1999	Đồng Tháp	08h00'		P.503-C1		
15	000311	0018310119	Lương Hoàng	Phúc	Nam	13/02/1999	Đồng Tháp	08h10'		P.503-C1		
16	000312	0018410662	Nguyễn Bá	Phúc	Nam	21/8/2000	Đồng Tháp	08h10'		P.503-C1		
17	000313	0017410359	Lư Minh	Phụng	Nam	15/10/1999	Cà Mau	08h20'		P.503-C1		
18	000314	0019410175	Nguyễn Hương	Phụng	Nữ	01/02/2001	Đồng Tháp	08h20'		P.503-C1		
19	000315	0019410136	Võ Như	Phụng	Nữ	09/8/2001	Đồng Tháp	08h30'		P.503-C1		
20	000316	0019410462	Cao Minh	Phuong	Nữ	05/7/2001	Đồng Tháp	08h30'		P.503-C1		
21	000317	0020410077	Lê Thị Hồng	Phuong	Nữ	24/11/2002	Đồng Tháp	08h40'		P.503-C1		
22	000318	0018413140	Nguyễn Ngọc Đông	Phuong	Nữ	20/12/2000	TP HCM	08h40'		P.503-C1		
23	000319	0017410207	Nguyễn Văn Thái	Phuong	Nam	28/02/1994	Đồng Tháp	08h50'		P.503-C1		
24	000320	0020410298	Trần Nhan Thảo	Phuong	Nữ	07/10/2002	Đồng Tháp	08h50'		P.503-C1		

Tổng số thí sinh: 24



PHÒNG THI SỐ: 14

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
								Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
1	000321	0018412172	Trương Thị Mỹ	Phượng	Nữ	28/01/2000	Đồng Tháp	07h00'	Phòng chờ: 304-C1	P.504-C1		
2	000322	0018413050	Hồ Ngọc Vinh	Quang	Nam	10/12/2000	Vĩnh Long	07h00'		P.504-C1		
3	000323	0019410561	Nguyễn Minh	Quang	Nam	12/9/2001	Đồng Tháp	07h10'		P.504-C1		
4	000324	0019410657	Trần Thị Hồng	Quế	Nữ	08/9/2001	Đồng Tháp	07h10'		P.504-C1		
5	000325	0017410772	Trần Văn	Quý	Nam	16/11/1999	Long An	07h20'		P.504-C1		
6	000326	0018412351	Nguyễn Văn	Quý	Nam	26/11/2000	Đồng Tháp	07h20'		P.504-C1		
7	000327	0019410081	Cao Thị Thúy	Quyên	Nữ	20/12/2001	Bến Tre	07h30'		P.504-C1		
8	000328	0020410056	La Đặng Thảo	Quyên	Nữ	15/4/2002	Đồng Tháp	07h30'		P.504-C1		
9	000329	0019410754	Phan Kim	Quyên	Nữ	25/8/2001	Đồng Tháp	07h40'		P.504-C1		
10	000330	0018413142	Phan Thảo	Quyên	Nữ	29/9/2000	Đồng Tháp	07h40'		P.504-C1		
11	000331	0019410583	Thị Ngọc Thảo	Quyên	Nữ	01/7/2001	Đồng Tháp	07h50'		P.504-C1		
12	000332	0018410800	Nguyễn Thị Kim	Quyên	Nữ	25/02/2000	Kiên Giang	07h50'		P.504-C1		
13	000333	0019410636	Lê Thị Như	Quỳnh	Nữ	17/7/2001	Đồng Tháp	08h00'		P.504-C1		
14	000334	0019410565	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	07/3/2001	Đồng Tháp	08h00'		P.504-C1		
15	000335	0016410585	Phan Thị Huỳnh	Quỳnh	Nữ	22/12/1997	Đồng Tháp	08h10'		P.504-C1		
16	000336	0019410005	Trần Bùi Như	Quỳnh	Nữ	14/02/2001	Bến Tre	08h10'		P.504-C1		
17	000337	0019410322	Nguyễn Tuấn	Sang	Nam	14/02/2001	Đồng Tháp	08h20'		P.504-C1		
18	000338	0018411888	Nguyễn Thị Hồng	Sang	Nữ	07/7/1999	Đồng Tháp	08h20'		P.504-C1		
19	000339	0017310064	Dương Thị	Son	Nữ	06/9/1997	Đồng Tháp	08h30'		P.504-C1		
20	000340	0018414071	Lê Hoàng	Son	Nam	04/4/2000	Đồng Tháp	08h30'		P.504-C1		
21	000341	0020410299	Nguyễn Ngọc	Son	Nam	05/7/2002	Đồng Tháp	08h40'		P.504-C1		
22	000342	0014413033	Nguyễn Trúc	Son	Nam	09/10/1995	Đồng Tháp	08h40'		P.504-C1		
23	000343	0018413075	Nguyễn Hoàng	Tâm	Nam	18/4/2000	Đồng Tháp	08h50'		P.504-C1		
24	000344	0018310052	Nguyễn Thị Huỳnh	Tâm	Nữ	21/01/2000	Đồng Tháp	08h50'		P.504-C1		

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
							Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
							Giờ thi	Địa điểm			
1	000345	0018410480	Trương Quốc Tâm	Nam	20/6/2000	Đồng Tháp	07h00'	Phòng chờ: 308-C1		P.505-C1	
2	000346	0017410616	Hồ Minh Tân	Nam	16/11/1999	Đồng Tháp	07h00'			P.505-C1	
3	000347	0018412806	Nguyễn Nhật Tân	Nam	03/3/2000	Đồng Tháp	07h10'			P.505-C1	
4	000348	0019310048	Trung Minh Tân	Nam	07/02/2001	Bến Tre	07h10'			P.505-C1	
5	000349	0019410783	Cao Thị Cẩm Tiên	Nữ	23/4/2001	Đồng Tháp	07h20'			P.505-C1	
6	000350	0018412202	Dương Thị Mỹ Tiên	Nữ	16/6/2000	Đồng Tháp	07h20'			P.505-C1	
7	000351	0018412200	Đặng Thị Kiều Tiên	Nữ	18/10/2000	Đồng Tháp	07h30'			P.505-C1	
8	000352	0018410437	Đặng Thị Mỹ Tiên	Nữ	25/3/2000	Đồng Tháp	07h30'			P.505-C1	
9	000353	0018412826	Huỳnh Ngọc Thủy Tiên	Nữ	28/4/2000	Đồng Tháp	07h40'			P.505-C1	
10	000354	0019410395	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Nữ	12/02/2000	An Giang	07h40'			P.505-C1	
11	000355	0018410490	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Nữ	14/4/2000	Đồng Tháp	07h50'			P.505-C1	
12	000356	0018410745	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Nữ	18/7/2000	Đồng Tháp	07h50'			P.505-C1	
13	000357	0018412711	Phạm Thủy Tiên	Nữ	02/3/2000	Đồng Tháp	08h00'			P.505-C1	
14	000358	0017410798	Trần Thị Kiều Tiên	Nữ	12/01/1999	An Giang	08h00'			P.505-C1	
15	000359	0019410667	Nguyễn Kim Tiên	Nữ	11/5/2001	Đồng Tháp	08h10'			P.505-C1	
16	000360	0019410278	Nguyễn Thị Bích Tiên	Nữ	09/6/2001	Đồng Tháp	08h10'			P.505-C1	
17	000361	0019410337	Nguyễn Minh Tiến	Nam	26/8/2001	Đồng Tháp	08h20'			P.505-C1	
18	000362	0019410877	Nguyễn Trần Minh Tiến	Nam	26/5/2001	Đồng Tháp	08h20'			P.505-C1	
19	000363	0015410134	Nguyễn Trung Tín	Nam	11/6/1997	Đồng Tháp	08h30'			P.505-C1	
20	000364	0017411014	Lê Quốc Toàn	Nam	28/4/1996	Đồng Tháp	08h30'			P.505-C1	
21	000365	0018410679	Nguyễn Thanh Toàn	Nam	07/8/2000	Đồng Tháp	08h40'			P.505-C1	
22	000366	0020411043	Tăng Kế Tường	Nữ	16/11/2002	Đồng Tháp	08h40'			P.505-C1	
23	000367	0017310019	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	Nữ	27/11/1999	Vĩnh Long	08h50'			P.505-C1	
24	000368	0010411029	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nữ	14/9/1992	Đồng Tháp	08h50'			P.505-C1	

Tổng số thí sinh: 24



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 62, ngày 26/3/2022

PHÒNG THI SỐ: 16

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
							Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
							Giờ thi	Địa điểm			
1	000369	0019410052	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nữ	16/6/2001	Đồng Tháp	07h00'	Phòng chờ: 308-C1	P.506-C1		
2	000370	0020411125	Nguyễn Thị Tươi	Nữ	18/10/2002	Tiền Giang	07h00'		P.506-C1		
3	000371	0018412886	Trần Thạch	Nam	31/10/2000	Bạc Liêu	07h10'		P.506-C1		
4	000372	0017310097	Hồ Võ Hồng Thái	Nam	21/3/1997	Đồng Tháp	07h10'		P.506-C1		
5	000373	0018410430	Nguyễn Quốc Thái	Nam	18/12/2000	Cần Thơ	07h20'		P.506-C1		
6	000374	0019410673	Đào Thị Mỹ Thanh	Nữ	06/01/2001	Bến Tre	07h20'		P.506-C1		
7	000375	0019410535	Nguyễn Thị Cà Thanh	Nữ	06/3/2001	Kiên Giang	07h30'		P.506-C1		
8	000376	0018413051	Dương Tấn Thành	Nam	26/8/2000	Đồng Tháp	07h30'		P.506-C1		
9	000377	0019410252	Đào Phước Thành	Nam	10/02/2001	Đồng Tháp	07h40'		P.506-C1		
10	000378	0018410669	Nguyễn Hòa Thành	Nam	24/3/2000	Đồng Tháp	07h40'		P.506-C1		
11	000379	0018410670	Nguyễn Hoàng Thành	Nam	22/01/2000	Đồng Tháp	07h50'		P.506-C1		
12	000380	0019410674	Đào Thị Phương Thảo	Nữ	06/01/2001	Bến Tre	07h50'		P.506-C1		
13	000381	0019410768	Đỗ Thị Thanh Thảo	Nữ	19/9/2001	Đồng Tháp	08h00'		P.506-C1		
14	000382	0019410247	Huỳnh Ngọc Thảo	Nữ	02/8/2001	Đồng Tháp	08h00'		P.506-C1		
15	000383	0015412394	Huỳnh Thị Ngọc Thảo	Nữ	30/8/1997	Bến Tre	08h10'		P.506-C1		
16	000384	0018412990	Huỳnh Thị Thanh Thảo	Nữ	26/7/2000	Cần Thơ	08h10'		P.506-C1		
17	000385	0019410780	Lê Thị Phương Thảo	Nữ	07/9/2001	Bến Tre	08h20'		P.506-C1		
18	000386	0019410300	Nguyễn Hoàng Thảo	Nam	19/5/2001	Đồng Tháp	08h20'		P.506-C1		
19	000387	0017411101	Nguyễn Ngọc Thảo	Nữ	01/11/1999	Đồng Tháp	08h30'		P.506-C1		
20	000388	0015410812	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	15/12/1997	An Giang	08h30'		P.506-C1		
21	000389	0018412179	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	08/7/2000	Đồng Tháp	08h40'		P.506-C1		
22	000390	0018410385	Phan Thanh Thảo	Nữ	17/3/2000	Vĩnh Long	08h40'		P.506-C1		
23	000391	0019410652	Phan Thanh Thảo	Nữ	18/5/2001	Đồng Tháp	08h50'		P.506-C1		
24	000392	0018410482	Phan Thị Như Thảo	Nữ	05/7/2000	Đồng Tháp	08h50'		P.506-C1		

Tổng số thí sinh: 24



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khố 62, ngày 26/3/2022

PHÒNG THI SỐ: 17

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
							Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
							Giờ thi	Địa điểm			
1	000393	0017410094	Thái Thị Phương Thảo	Nữ	01/6/1999	Đồng Tháp	07h00'	Phòng chờ: 204-C1		P.507-C1	
2	000394	0019410695	Trần Thị Ngọc Thảo	Nữ	28/7/2001	Bến Tre	07h00'			P.507-C1	
3	000395	0018412176	Lê Nguyễn Hồng Thắm	Nữ	07/01/2000	Cần Thơ	07h10'			P.507-C1	
4	000396	0018412411	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Nữ	17/02/2000	Đồng Tháp	07h10'			P.507-C1	
5	000397	0018412989	Nguyễn Hữu Thắng	Nam	17/4/2000	Vĩnh Long	07h20'			P.507-C1	
6	000398	0019410173	Thạch Thị Sĩ Vạt	Nữ	14/12/2001	Vĩnh Long	07h20'			P.507-C1	
7	000399	0018412181	Huỳnh Thi	Nữ	21/3/2000	Đồng Tháp	07h30'			P.507-C1	
8	000400	0018412183	Lê Thị Cẩm Thi	Nữ	22/02/2000	Cần Thơ	07h30'			P.507-C1	
9	000401	0017410877	Nguyễn Thị Thi	Nữ	17/8/1997	Tiền Giang	07h40'			P.507-C1	
10	000402	0020410454	Phùng Xuân Thi	Nữ	15/7/2002	Đồng Tháp	07h40'			P.507-C1	
11	000403	0019410272	Nguyễn Xuân Thiện	Nam	05/3/2001	Đồng Tháp	07h50'			P.507-C1	
12	000404	0014412240	Nguyễn Hoàng Thịnh	Nam	24/01/1996	An Giang	07h50'			P.507-C1	
13	000405	0016410044	Nguyễn Trần Phước Thịnh	Nam	21/4/1998	Kiên Giang	08h00'			P.507-C1	
14	000406	0016410131	Trương Hải Thoại	Nam	22/9/1998	An Giang	08h00'			P.507-C1	
15	000407	0018412185	Nguyễn Lê Hoàng Thơ	Nữ	01/9/2000	Vĩnh Long	08h10'			P.507-C1	
16	000408	0019410225	Nguyễn Thị Yến Thơ	Nữ	24/01/2001	Đồng Tháp	08h10'			P.507-C1	
17	000409	0018412353	Huỳnh Phạm Quốc Thới	Nam	10/6/2000	Vĩnh Long	08h20'			P.507-C1	
18	000410	0019410028	Phạm Công Thuận	Nam	05/10/2001	Thái Bình	08h20'			P.507-C1	
19	000411	0019410423	Nguyễn Thị Mỹ Thuận	Nữ	19/11/2001	Bến Tre	08h30'			P.507-C1	
20	000412	0018412822	Phạm Huỳnh Thuận	Nữ	06/6/2000	An Giang	08h30'			P.507-C1	
21	000413	0018410674	Phạm Võ Thuật	Nam	07/3/2000	Đồng Tháp	08h40'			P.507-C1	
22	000414	0020410863	Phan Thị Bích Thùy	Nữ	24/3/2002	Đồng Tháp	08h40'			P.507-C1	
23	000415	0018412199	Lê Thị Hồng Thủy	Nữ	17/9/2000	Bến Tre	08h50'			P.507-C1	
24	000416	0017310037	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	01/3/1999	Đồng Tháp	08h50'			P.507-C1	
25	000417	0018312018	Trần Thị Thu Thủy	Nữ	26/9/2000	Đồng Tháp	09h00'			P.507-C1	
26	000418	0019410638	Đinh Thị Diễm Thúy	Nữ	02/12/2001	Đồng Tháp	09h00'			P.507-C1	

Tổng số thí sinh: 26



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
							Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
							Giờ thi	Địa điểm			
1	000419	0020410825	Huỳnh Thị Ngọc Thúy	Nữ	21/12/2002	Vĩnh Long	07h00'	Phòng chờ: 204-C1			P.508-C1
2	000420	0019410339	Huỳnh Thị Thanh Thúy	Nữ	23/6/2001	Hậu Giang	07h00'				P.508-C1
3	000421	0019410659	Đào Thị Ái Thư	Nữ	08/7/2001	Cà Mau	07h10'				P.508-C1
4	000422	0017310038	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	06/10/1999	Tiền Giang	07h10'				P.508-C1
5	000423	0016410689	Nguyễn Thị Minh Thư	Nữ	25/5/1997	Đồng Tháp	07h20'				P.508-C1
6	000424	0018412193	Nguyễn Thị Minh Thư	Nữ	25/5/2000	Đồng Tháp	07h20'				P.508-C1
7	000425	0019410192	Nguyễn Đào Anh Thy	Nữ	22/12/2001	Vĩnh Long	07h30'				P.508-C1
8	000426	0020411149	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	29/03/2002	Bến Tre	07h30'				P.508-C1
9	000427	0018412211	Phạm Lâm Bảo Trang	Nữ	21/02/2000	Bến Tre	07h40'				P.508-C1
10	000428	0020410182	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	09/10/2002	Đồng Tháp	07h40'				P.508-C1
11	000429	0018410440	Bùi Ngọc Trâm	Nữ	03/10/2000	Vĩnh Long	07h50'				P.508-C1
12	000430	0018412206	Cao Thị Ngọc Trâm	Nữ	07/7/2000	An Giang	07h50'				P.508-C1
13	000431	0019410512	Ngô Thị Ngọc Trâm	Nữ	18/01/2001	Đồng Tháp	08h00'				P.508-C1
14	000432	0018410604	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	21/7/2000	Đồng Tháp	08h00'				P.508-C1
15	000433	0017310014	Thái Ngọc Mai Trâm	Nữ	11/4/1999	Đồng Tháp	08h10'				P.508-C1
16	000434	0019410645	Võ Thị Ngọc Trâm	Nữ	15/9/2000	Đồng Tháp	08h10'				P.508-C1
17	000435	0019410444	Châu Diễm Trâm	Nữ	31/5/2001	Đồng Tháp	08h20'				P.508-C1
18	000436	0020411049	Dương Huyền Trâm	Nữ	24/10/2002	Đồng Tháp	08h20'				P.508-C1
19	000437	0018414069	Dương Nguyễn Ngọc Trâm	Nữ	07/10/1999	Cần Thơ	08h30'				P.508-C1
20	000438	0019410380	Đào Thị Bảo Trâm	Nữ	28/6/2001	Vĩnh Long	08h30'				P.508-C1
21	000439	0018410600	Đặng Thị Bảo Trâm	Nữ	25/9/2000	Đồng Tháp	08h40'				P.508-C1
22	000440	0018410602	Nguyễn Ngọc Yến Trâm	Nữ	18/12/2000	Đồng Tháp	08h40'				P.508-C1
23	000441	0019310004	Trần Thị Thái Trâm	Nữ	14/01/2001	Đồng Tháp	08h50'				P.508-C1
24	000442	0018410409	Đoàn Minh Triết	Nam	18/3/1999	Đồng Tháp	08h50'				P.508-C1
25	000443	0018413153	Nguyễn Thị Tú Trinh	Nữ	15/12/2000	Đồng Tháp	09h00'				P.508-C1
26	000444	0015410596	Phan Thị Cẩm Trinh	Nữ	06/9/1997	Đồng Tháp	09h00'				P.508-C1

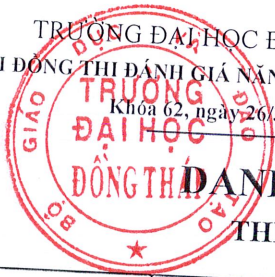
Tổng số thí sinh: 26



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
							Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
							Giờ thi	Địa điểm			
1	000445	0019410677	Nguyễn Bình Trọng	Nam	3/01/2001	Đồng Tháp	07h00'	Phòng chờ: 208-C1	P.407-C1		
2	000446	0017310071	Bùi Thị Phương Trúc	Nữ	02/8/1999	Đồng Tháp	07h00'		P.407-C1		
3	000447	0019410418	Huỳnh Thị Thanh Trúc	Nữ	12/12/2001	Đồng Tháp	07h10'		P.407-C1		
4	000448	0018413060	Nguyễn Lê Hoàng Trung	Nam	25/8/2000	Tiền Giang	07h10'		P.407-C1		
5	000449	0016411038	Nguyễn Phước Trung	Nam	13/3/1996	Đồng Tháp	07h20'		P.407-C1		
6	000450	0017410295	Phan Thanh Trung	Nam	20/7/1998	Đồng Tháp	07h20'		P.407-C1		
7	000451	0018412835	Trần Nhựt Trường	Nam	14/9/2000	Đồng Tháp	07h30'		P.407-C1		
8	000452	0019410445	Võ Lâm Trường	Nam	01/01/2001	Đồng Tháp	07h30'		P.407-C1		
9	000453	0018412220	Cao Nguyễn Phương Uyên	Nữ	19/6/2000	Vĩnh Long	07h40'		P.407-C1		
10	000454	0020410392	Lê Phạm Phương Uyên	Nữ	13/3/2002	Đồng Tháp	07h40'		P.407-C1		
11	000455	0019310091	Võ Phương Uyên	Nữ	27/5/2001	Đồng Tháp	07h50'		P.407-C1		
12	000456	0018410612	Lỗ Ngọc Vân	Nữ	18/01/2000	Đồng Tháp	07h50'		P.407-C1		
13	000457	0015411330	Phạm Quốc Việt	Nam	24/01/1997	Vĩnh Long	08h00'		P.407-C1		
14	000458	0018413077	Nguyễn Quốc Vinh	Nam	11/12/2000	Đồng Tháp	08h00'		P.407-C1		
15	000459	0020410456	Lê Phước Vĩnh	Nam	12/9/2002	An Giang	08h10'		P.407-C1		
16	000460	0019410333	Trần Trung Vĩnh	Nam	3/10/2001	Đồng Tháp	08h10'		P.407-C1		
17	000461	0017410726	Bùi Linh Vương	Nam	04/7/1997	Đồng Tháp	08h20'		P.407-C1		
18	000462	0019410274	Đoàn Tấn Vương	Nam	22/8/2001	An Giang	08h20'		P.407-C1		
19	000463	0018412419	Lê Hoàng Vy	Nam	17/3/2000	Tiền Giang	08h30'		P.407-C1		
20	000464	0019310087	Nguyễn Phan Tường Vy	Nữ	24/11/2001	Đồng Tháp	08h30'		P.407-C1		
21	000465	0018410683	Nguyễn Thị Thiện Vy	Nữ	27/6/2000	Đồng Tháp	08h40'		P.407-C1		
22	000466	0019310030	Nguyễn Thúy Vy	Nữ	28/11/2001	Đồng Tháp	08h40'		P.407-C1		
23	000467	0019410454	Trịnh Thị Thúy Vy	Nữ	8/01/2001	Đồng Tháp	08h50'		P.407-C1		
24	000468	0019410007	Đặng Thị Ngọc Xuân	Nữ	15/01/2001	Tiền Giang	08h50'		P.407-C1		

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
							Môn thi				
							Môn Nói		Nghe		
							Giờ thi	Địa điểm	13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
1	000469	0019410647	Đỗ Thị Như Ý	Nữ	17/11/2001	Đồng Tháp	07h00'	Phòng chờ: 208-C1	P.408-C1		
2	000470	0019310006	Hồ Thị Như Ý	Nữ	14/3/2001	Đồng Tháp	07h00'		P.408-C1		
3	000471	0018410758	Huỳnh Thị Như Ý	Nữ	08/7/2000	Đồng Tháp	07h10'		P.408-C1		
4	000472	0017310025	Lê Thị Như Ý	Nữ	02/10/1999	Đồng Tháp	07h10'		P.408-C1		
5	000473	0020411009	Ngô Thị Như Ý	Nữ	29/3/2002	Đồng Tháp	07h20'		P.408-C1		
6	000474	0019410151	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	06/3/2001	Đồng Tháp	07h20'		P.408-C1		
7	000475	0016411052	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	10/5/1981	Đồng Tháp	07h30'		P.408-C1		
8	000476	0019410139	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	09/9/2001	Đồng Tháp	07h30'		P.408-C1		
9	000477	0019410697	Phạm Thị Như Ý	Nữ	28/3/2001	Đồng Tháp	07h40'		P.408-C1		
10	000478	0018410320	Tăng Thị Như Ý	Nữ	24/12/2000	An Giang	07h40'		P.408-C1		
11	000479	0020410165	Dương Gia Yến	Nữ	25/02/2002	Đồng Tháp	07h50'		P.408-C1		
12	000480	0019410088	Tô Thị Hoàng Yến	Nữ	29/3/2001	Đồng Tháp	07h50'		P.408-C1		
13	000481	0019410079	Trần Thị Hải Yến	Nữ	21/11/2001	Đồng Tháp	08h00'		P.408-C1		
14	000482	0015410472	Vũ Đức Hiệp	Nam	11/01/1997	Đồng Tháp	BL		408	408	BL
15	000483	0018410414	Nguyễn Thị Yến Hương	Nữ	20/3/2000	Đồng Tháp	BL		408	408	408
16	000484	0018412395	Nguyễn Thị Trúc Linh	Nữ	14/4/2000	Đồng Tháp	08h10'		BL	408	BL
17	000485	0017410536	Tạ Nguyễn Anh Minh	Nam	16/8/1999	Đồng Tháp	08h10'		BL	408	BL
18	000486	0019410518	Huỳnh Thị Bình Nhi	Nữ	15/01/2001	Đồng Tháp	BL		BL	408	BL
19	000487	0017410836	Trần Thị Diễm Phương	Nữ	30/10/1999	Đồng Tháp	BL		408	408	408
20	000488	0013412032	Nguyễn Thành Thới	Nam	01/01/1992	Đồng Tháp	08h20'		408	408	BL
21	000489	0017411009	Nguyễn Phạm Anh Thư	Nữ	11/9/1999	Đồng Tháp	BL		408	408	BL
22	000490	0015411545	Lê Trọng Tín	Nam	29/11/1996	Đồng Tháp	BL		408	408	408
23	000491	0018412830	Lương Bảo Trân	Nữ	12/11/2000	Đồng Tháp	08h20'		BL	BL	BL
24	000492	0018412431	Võ Nguyễn Huyền Trân	Nữ	19/3/2000	Đồng Tháp	BL		408	408	408

Tổng số thí sinh: 24